

Số: 1025/QĐ-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Cần Thơ ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐT ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng Trường;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ chi phí học tập cho **60 sinh viên** có tên sau đây là dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trúng tuyển vào học hệ chính qui tại trường Đại học Cần Thơ:

(Danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian hỗ trợ từ tháng **01/2021 đến tháng 05/2021**. Mức hỗ trợ cho mỗi sinh viên là 60% mức lương tối thiểu chung (60% x 1.490.000đ)/ tháng.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, Công tác Sinh viên, Đào tạo, Tài chính và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CẦN THƠ
Trần Trung Tính

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**Từ tháng 01/2021 đến 05/2021***(Kèm theo Quyết định số 1025/QĐ-ĐHCT, ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Hiệu trưởng)*

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐỐI TƯỢNG
1	B1700158	Thạch Thị Phương Thanh	NN1708A1	DTTS - Hộ cận nghèo
2	B1702118	Thạch Văn Vàng	LK1765A2	DTTS - Hộ nghèo
3	B1702784	Lý Cao Trí	TN1793A2	DTTS - Hộ cận nghèo
4	B1703416	Trần Huỳnh Trúc Y	DA1766A2	DTTS - Hộ cận nghèo
5	B1703565	Sơn Vông	NN1767A3	DTTS - Hộ cận nghèo
6	B1704280	Thạch Thị Liễu	TN1783A2	DTTS - Hộ nghèo
7	B1704407	Khuru Thị Thanh Nguyệt	KT1790A1	DTTS - Hộ cận nghèo
8	B1704408	Khuru Thị Thanh Nhật	KT1790A1	DTTS - Hộ cận nghèo
9	B1704786	Trần Anh Tuấn	DI1796A1	DTTS - Hộ cận nghèo
10	B1704834	Trần Công Minh	DI1796A2	DTTS - Hộ nghèo
11	B1704979	Lâm Ngọc Hải	TN17T2A3	DTTS - Hộ cận nghèo
12	B1706127	Thị Ngọc Sang	HG17V1A2	DTTS - Hộ nghèo
13	B1706390	Kim Thị Thiên Nga	TN17V6A2	DTTS - Hộ cận nghèo
14	B1707176	Lý Thị Cẩm Tú	ML17V9A1	DTTS - Hộ cận nghèo
15	B1707222	Sơn Thị Thu Phương	KT17W1A1	DTTS - Hộ cận nghèo
16	B1707808	Lý Sóc Khum	TS17W5A1	DTTS - Hộ nghèo
17	B1709058	Nguyễn Trọng Tú	TN17Y6A1	DTTS - Hộ cận nghèo
18	B1709817	Danh Thị Mỹ Lan	HG1722A2	DTTS - Hộ cận nghèo
19	B1801192	Thạch Priệne	NN1819A1	DTTS - Hộ cận nghèo
20	B1801880	Danh Thị Huỳnh Hoa	HG1822A1	DTTS - Hộ nghèo
21	B1801945	Lâm Mỹ Huyền	KT1823A1	DTTS - Hộ cận nghèo
22	B1802762	Bạch Văn Nghĩa	LK1863A2	DTTS - Hộ nghèo
23	B1803542	Triệu Hoài Nam	TN1884A3	DTTS - Hộ cận nghèo
24	B1804675	Chau Liêm	NN1873A3	DTTS - Hộ nghèo
25	B1804975	La Thanh Thảo	TS1882A1	DTTS - Hộ cận nghèo
26	B1805867	Nguyễn Danh Hưng	DI1896A2	DTTS - Hộ cận nghèo
27	B1807926	Danh Đà Ni	XH18U4A1	DTTS - Hộ cận nghèo
28	B1807994	Thạch Hữu Nhân	XH18U4A2	DTTS - Hộ cận nghèo
29	B1808346	Thạch Vương Tín	FL18V1A1	DTTS - Hộ cận nghèo
30	B1809557	Nguyễn Hồng Diệu	HG18V7A2	DTTS - Hộ nghèo
31	B1809951	Sơn Thị Nhi	ML18V9A2	DTTS - Hộ cận nghèo
32	B1812366	Bộ Lâm Phong	DI18Z6A2	DTTS - Hộ nghèo
33	B1812797	Thạch Anh Huy	HG18V7A2	DTTS - Hộ cận nghèo
34	B1900584	Thạch Lý Ngọc Thanh	NN1908A4	DTTS - Hộ cận nghèo
35	B1900828	Ông Thị Ngọc Phiêng	NN1908A7	DTTS - Hộ cận nghèo
36	B1902520	Chiêm Thành Tâm	HG1923A1	DTTS - Hộ cận nghèo
37	B1902753	Thị Cẩm Giang	LK1965A1	DTTS - Hộ cận nghèo
38	B1902787	Võ Kim Ngân	LK1964A1	DTTS - Hộ cận nghèo
39	B1903108	Thái Thúy Kiều	LK1963A2	DTTS - Hộ cận nghèo
40	B1904910	Chau Na Rên	NN1967A2	DTTS - Hộ nghèo
41	B1905079	Chau Ly An	NN1973A1	DTTS - Hộ nghèo
42	B1905126	Chau Ly Pha	NN1973A1	DTTS - Hộ nghèo

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐỐI TƯỢNG
43	B1905452	Thạch Văn Khỏe	XH1980A1	DTTS - Hộ cận nghèo
44	B1908870	Neáng Sóc Ôn	HG19U7A1	DTTS - Hộ cận nghèo
45	B1910122	Trần Tấn Phát	DI19V7A6	DTTS - Hộ cận nghèo
46	B1911131	Thái Thu Thảo	KT19W2A3	DTTS - Hộ cận nghèo
47	B1911455	Huỳnh Ngọc Hân	KT19W4A1	DTTS - Hộ cận nghèo
48	B1911532	Lâm Hoàng Duy	KT19W4A2	DTTS - Hộ cận nghèo
49	B1911990	Hồ Thanh Xuân	XH19W7A2	DTTS - Hộ cận nghèo
50	B2000805	Thạch Dư	NN2008A2	DTTS - Hộ nghèo
51	B2002285	Dương Thanh Thời	TN20S5A1	DTTS - Hộ nghèo
52	B2002324	Danh Định Lưu	TN20S5A2	DTTS - Hộ cận nghèo
53	B2002851	Chau Sóc Bình	NN2067A1	DTTS - Hộ cận nghèo
54	B2002861	Thạch Minh Hoàng	NN2067A1	DTTS - Hộ cận nghèo
55	B2004357	Lý Minh Đạt	TN20T5A3	DTTS - Hộ cận nghèo
56	B2008739	Thái Thị Mỹ Anh	NN2019A1	DTTS - Hộ nghèo
57	B2009693	Thị Sóc Kha	LK2065A1	DTTS - Hộ cận nghèo
58	B2011276	Chau Sóc Phia	NN2073A3	DTTS - Hộ nghèo
59	B2012360	Chau Chanh Tha	NN20S1A2	DTTS - Hộ cận nghèo
60	B2015185	Trần Lệ Huyền	KT20W1A2	DTTS - Hộ cận nghèo

Danh sách gồm có **60** sinh viên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

